TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2021
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Ông Trần Tấn Phát

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ 19, ấp TP, xã TB, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 19, ấp TP, xã TB, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống vợ chồng từ năm 1987, có đăng ký kết hôn số 25 ngày 07/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã TB, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thích hợp sống chung với nhau nữa. Nguyên nhân là do ông S không chung thủy. Vợ chồng đã không sinh hoạt chung với nhau bất kỳ vấn đề gì khoảng 03 năm trở lại đây. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Nguyễn Phước Tr, sinh năm: 1987 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1990. Hiện nay, cả 02 con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trong đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/5/2021 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà H theo như nội dung đơn khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn số 25 ngày 07/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã TB, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông S có ý kiến đồng ý ly hôn với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H và ông S được thuận tình ly hôn.

- Con chung: Bà H và ông S có 02 con chung là anh Nguyễn Phước Tr, sinh năm: 1987 và chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1990. Cả hai anh chị đều đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với ông Nguyễn Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S có nơi cư trú tại thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thu H, bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn S chung sống vợ chồng từ năm 1987có đăng ký kết hôn số 25 ngày 07/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã TB, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân của bà H với ông S là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Yêu cầu khởi kiện của của bà H đối với ông S Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình về ly hôn để xem xét, giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu được ly hôn với ông S thấy rằng: Vợ chồng ông bà chung sống với nhau từ năm 1987, trải qua hơn 30 năm chung sống khoảng 03 năm trở lại đây ông bà có mâu thuẫn gây gắt, vợ chồng đã không sinh hoạt chung, ăn uống riêng mặc dù cùng sống chung nhà. Ông S trong đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 11/5/2021 cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà Hnên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, cho bà H và ông S được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Hvà ông S có 02 con chung là anh Nguyễn Phước Tr, sinh năm: 1987 và chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1990. Cả hai anh chị đều đã ttrưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Nguyễn Văn S về "Tranh chấp ly hôn".

Cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn S chấm dứt quan hệ vợ chồng. Giấy chứng nhận kết hôn số 025 ngày 07/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã TB, thị

xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001341 ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã TB, thành phố Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa